

Mẫu số 13 - PNT

MẪU BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN DỰ PHÒNG VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN/ APPOINTED ACTUARY REPORT AND SOLVENCY REPORT REVIEW

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

(According to Circular No 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 of MOF)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ: Công ty TNHH bảo hiểm Samsung Vina / Samsung Vina Insurance Co., Ltd
- Báo cáo năm 2021 từ 01/01/2021 đến 31/12/2021/Time: Full year 2021.

I. BÁO CÁO VỀ SÀN BẢO HIỂM (PRODUCTS REPORT)

1. Báo cáo việc tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm trong kỳ báo cáo (calculated for direct premium and process of product in report period)

Trong

Trong kỳ báo cáo năm 2021, Công ty không có xây dựng và bổ sung quy tắc điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm (in 2021, SVI not establish & change premium rate/ Terms & Conditions of insurance product

2. Đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm (Difference between calculation premium and actual)

II. BÁO CÁO VIỆC TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (PROVISION FOLLOW LAW OF VIETNAM)

Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và kết quả trích lập, danh báo phân tích chính xác, đầy đủ trích nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo quy định pháp luật. Provide full information about the method of technical reserves the insurers established and the results they implemented correctly and fully by laws

2.1 Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định pháp luật

Reporting the establishment method of technical reserves by laws

Theo công văn số 479/BTC-QLBH ngày 12/01/2018 của Bộ Tài Chính về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, từ năm 2017 phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ của Công Ty như sau: Under official letter No. 479/BTC-QLBH dated 12/01/2018 of Ministry of Finance regarding to establishment of technical reserves, from financial year 2017 the establishment of Company will be implemented as follows:

2.1.1 Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

For non-life insurance products

a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Unearned Premium Reserve (UPR)

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc, nhưng tài bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm, nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm tạm thời và nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm tạm thời Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Phương pháp trích lập dự phòng phí theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm (Thông tư số 50/2017/TT-BTC).

For direct insurance business and ceding of direct business, unearned facultative and retrocession of inward facultative

Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy: On daily basis pursuant to the third dash, Sub-item b, Point 3.1, Clause 3 of Article 17 of Circular No. 50/2017/TT-BTC dated 15/05/2017 of Ministry of Finance providing implementation of Decree No. 73/2016/ND-CP dated 01/07/2016 of Government guiding Law on Insurance Business and Law on Amendment of Law on Insurance Business (Circular No. 50/2017/TT-BTC).

- Đối với nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm cố định và nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm của định

For inward treaty and retrocession of inward treaty

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Phương pháp 1/24 theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC.

Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy: The 1/24 Method pursuant to the second dash, Sub-item b, Point 3.1, Clause 3 of Article 17 of Circular No. 50/2017/TT-BTC dated 15/05/2017

b) Dự phòng bồi thường

Indemnity Reserves

Áp dụng phương pháp trích lập theo hồ sơ yêu cầu bồi thường, gồm 2 loại dự phòng như sau:

Method of reserve establishment based on claim files and included two types as follows:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trích nhiệm thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: Trích lập theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, Tiết a, Điểm 3.2 Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC.

For O/S reserve: It is based on formula pursuant to the first dash, Sub-item a, Point 3.2, Clause 3 of Article 17 of Circular No. 50/2017/TT-BTC dated 15/05/2017

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trích nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường: Trích lập theo công thức quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, Tiết a, Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC đối với từng loại nghiệp vụ bảo hiểm.

For IBNR reserve: It is based on formula stipulated in the second dash, Item a, Point 3.2, Clause 3 Article 17 of Circular 50.

c) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất

Catastrophe reserve

Mức trích lập hàng năm là 3% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

3% of net retained premium for each class.

2.1.2 Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

For health insurance products

a) Dự phòng toán học

Actuary reserve

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tài bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC trên cơ sở phí bảo hiểm góp.

For policies having insured period more than one year and subject to method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy:

b) Dự phòng phi chữa được hưởng
Unearned Premium Reserve (UPR)
 Dự phòng phi chữa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống:
It is applied to policies having insured period one year or below:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gộp và nhượng tài bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm gộp, nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm tạm thời và nhượng tài bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm tạm thời:
For direct insurance business and ceding of direct business, inward facultative and retrocession of inward facultative:
 Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng phi theo từng ngày theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC.
Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy: On daily basis pursuant to the third dash, Sub-item b, Point 3.1, Clause 3 of Article 17 of Circular No. 50/2017/TT-BTC
 - Đối với các nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm có định và nhượng tài bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tài bảo hiểm có định áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: Phương pháp 1/24 theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC.
For inward reury and retrocession of inward reury and subjec to method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy: The 1/24 Method pursuant to the second dash, Sub-item b, Point 3.1, Clause 3 of Article 17 of Circular No. 50/2017/TT-BTC dated 15/05/2017.

c) Dự phòng bồi thường
Indemnity reserve
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: Trích lập theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, Tiết a, Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo: Trích theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.
For OS reserve: It is based on formula pursuant to the first dash, Sub-item a, Point 3.2, Clause 3 of Article 17 of Circular No. 50/2017/TT-BTC dated 15/05/2017
For IBNR reserve: 3% of premium of health insurance product.

d) Dự phòng đảm bảo cân đối
Catastrophe reserve
 Mức trích lập bằng hàm là 3% phí bảo hiểm gửi lại của nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.
3% of total retained premium of health insurance product.
 2.2 Báo cáo kết quả trích lập

Results of establishment of technical reserves
 Theo số liệu dự phòng tại bảng 5-PNT (following data from SPNT)
 Tổng dự phòng nghiệp vụ của công ty tính theo phương pháp đã đăng ký với BTC năm 2021 là 126,1 tỷ VND, tăng 29,28 tỷ so với năm 2020
 Total technical reserve in 2021 followed method registered to MOF is 126.10 Billion VND, increase 29.28 Billions compared with 2020

Trong đó chủ yếu là phần dự phòng cho bồi thường tăng 30,48 tỷ và giảm dự phòng phi chữa được 3,44 tỷ, tăng dự phòng bồi thường cho các dao động lớn CAT 2,25 tỷ
 In which Claim Reserve increase 30.48 billions, UPR decrease 3.44 Billions & CAT reserve increase 2.25 Billions
 Kết quả tính toán dự phòng là phù hợp so sánh với các phương pháp trích lập dự phòng khác như phương pháp hệ số bồi thường

DVT : Trệu VNĐ

STT/ no.	Nghiệp vụ bảo hiểm/ business line	Phí bảo hiểm giữ lại/ retained premium	Dự phòng toán học/ actuary reserve	Dự phòng phi chữa được hưởng/ unearned premium	Theo hồ sơ yêu cầu bồi thường/ follow the profile Đã thông báo/yêu chưa bồi thường / informed thương /do not thường /do not	Theo hệ số phát sinh bồi thường/ claim reserve OS + IBNR	Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tôn thất/ CAT reserve	Tổng cộng dự phòng nghiệp vụ/ total	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A.	Bảo hiểm sức khỏe/health care insurance - general	3.225	-	(174)	(59)	195	136	97	59
	1 BH tai nạn con người/ personal accident	949	-	(151)	1	60	60	28	(62)
	2 Bảo hiểm y tế/ medical insurance	2.276	-	(23)	(59)	135	76	68	122
	3 Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe/ health care insurance	71.667	-	(3.271)	18.400	11.940	30.340	2.150	29.219
	B. Bảo hiểm Phi nhân thọ/ non life insurance	(4.839)	-	(10.681)	14.581	12.418	26.999	67	16.585
	1 BH tài sản và BH thiệt hại/ property & casualty insurance	335	-	(29)	-	(88)	(88)	5	(112)
	<i>Trong đó: Bảo hiểm bất động sản trong nhà/ in situ</i>	36.819	-	316	8.409	2.872	11.281	1.105	12.701
	2 Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển/ insurance of good transported	14.263	-	(45)	(0)	128	(0)	-	(0)
	3 BH hàng không/ aviation insurance	-	-	(45)	-	128	(0)	-	188
	4 BH xe cơ giới/ motor vehicle insurance	14.263	-	(45)	-	128	(0)	-	188
	<i>a. Bảo hiểm bắt buộc / compulsory</i>	-	-	(45)	-	128	(0)	-	188
	<i>b. Bảo hiểm tự nguyện/ non-compulsory</i>	14.263	-	(45)	-	128	(0)	-	188
	5 BH cháy nổ/ fire and explosion insurance	19.014	-	6.297	(5.082)	128	128	105	188
	<i>a. Bảo hiểm bắt buộc / compulsory</i>	22.534	-	6.297	(5.082)	(6.250)	(11.240)	681	(4.263)
	<i>b. Bảo hiểm tự nguyện/ non-compulsory</i>	(3.520)	-	25	1	08	(1.509)	076	(4.362)
	6 BH thân tàu và TND5 của tàu/ hull and P&I insurance	-	-	(0)	(96)	(1)	(97)	-	(97)
	7 BH trách nhiệm/ public liability insurance	6.410	-	843	588	2.681	3.269	192	4.504
	<i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>- Bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chẩn đoán</i>	-	-	-	-	-	-	-	-



- Bảo hiểm bất biến được thực hiện bởi người nghiệp vụ nhân đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8 BH tai chung va nuoi tai chanh/ credit & financial risk insurance	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9 BH thiết bị khai thác doanh nghiệp/ business interruption insurance	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10 BH nông nghiệp/ agricultural insurance	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11 BH bảo lãnh/ guarantee insurance	-	-	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG/TOTAL	74.891	(3.444)	18.341	12.135	30.476	2.347	29.278	0	0

III. BÁO CÁO VIỆC THAM GIA THỰC HIỆN TÁCH NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ NGUỒN PHÍ BẢO HIỂM PHIÊN HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ/chi nhánh nước ngoài)

III. REPORT ON DISTRIBUTION OF OWNER EQUITY AND PREPARATION IN ACCORDANCE WITH LAWS (applies for non-life insurance branch in outside)
 Bộ Tài Chính đã ban hành công văn số 2346/BTC-QLBH chấp thuận việc Công Ty đang kỳ nghiệm các phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng kể từ ngày 01/03/2018 như sau:

Ministry of Finance has issued official letter No. 2346/BTC-QLBH and approved for SVI's registration on distribution rule of general operational expenses as of 01/03/2018 as follows:

I. Cơ cấu quỹ của Công Ty:

The structure of fund of Company:

- Nguồn vốn chủ sở hữu

- Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

- Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

2. Nguyên tắc phân bổ doanh thu, chi phí

Rule of distribution of general operation expenses

2.1 Doanh thu, chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động nào của Công Ty được ghi nhận trực tiếp cho hoạt động đó.

Revenue and expenses directly attributable to any activity of Company are recorded directly for such activities.

2.2 Doanh thu, chi phí chung được phân bổ như sau:

General operational expenses and revenue is distributed as follows:

Ngày 31/08/2017, Hội Đồng Thành Viên Công Ty đã thông qua nguyên tắc phân bổ các khoản chi phí chung tại Nghị quyết số 005-2017/NQ-HDVT cụ thể:

On 31 August 2017, the Members' Council of Company approved the rule of distribution of general operation expense by its Resolution No.005-2017/NQ-HDVT especially:

a) Đối với các khoản chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm liên quan đến nhiều nghiệp vụ bảo hiểm theo tỷ trọng phí bảo hiểm của nghiệp vụ đó trong tổng phí bảo hiểm. Regarding expense for insurance business activities of many product lines, will be distributed by class based on the proportion of premium volume of each product class to total written premium volume.

- Chi tiết: Chi phí khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (không bao gồm chi phí được ghi nhận trực tiếp theo từng loại nghiệp vụ) bao gồm các chi phí quảng cáo, chi phí giao tế với khách hàng... - Chi detail: Other expenses of insurance business (not including expenses to be directly recorded by class): Expense for advertisement, entertainment business...

Description: Other expenses of insurance business (not including expenses to be directly recorded by class): Expense for advertisement, entertainment business...

- Nguyên tắc phân bổ các khoản chi phí này cho từng nghiệp vụ bảo hiểm: Được phân bổ cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo tỷ trọng phí bảo hiểm gốc và phí nhân tài (bảo hiểm) của nghiệp vụ đó trong tổng phí bảo hiểm. - Rule for allocation to each product line: Will be allocated to each class based on the proportion of premium volume of each product class to total written premium volume (direct and inward premium).

b) Đối với các khoản chi quản lý chi liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và nhân nghiệp vụ bảo hiểm: Phân bổ cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo tỷ trọng phí bảo hiểm của nghiệp vụ đó trong tổng phí bảo hiểm. b) Rule for allocation to each product line: Will be allocated to each class based on the proportion of premium volume of each product class to total written premium volume (direct and inward premium).

Regarding administration expenses only related to insurance business activities and for many product classes, will be distributed by class based on the proportion of premium volume of each product class to total written premium volume.

- Chi tiết: Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định của pháp luật (chi quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, đóng góp kinh phí tăng cường công tác quản lý giám sát thị trường bảo hiểm,...); chi quản lý doanh nghiệp

- Chi detail: Items and expenses which are compulsory contribution by laws for example: policyholder protection fund, fund for improvement of management and supervision of insurance market,...; administration cost

Description: Compulsory contribution by laws for example: policyholder protection fund, fund for improvement of management and supervision of insurance market,...; administration cost

(Ví dụ: lương và các chi phí liên quan, công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm, chi phí khấu hao, chi phí thuê văn phòng, chi phí thuê ngoài, và các khoản chi phí khác liên quan đến chi quản lý doanh nghiệp)...

(for example: salary and personnel expenses, printing and stationary, depreciation, office rental, rental fee, and other expenses related to administrative cost)...

- Nguyên tắc phân bổ các khoản chi phí này cho từng nghiệp vụ bảo hiểm: Các khoản chi phí quản lý chung nêu trên được phân bổ cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo tỷ trọng phí bảo hiểm

(phí bảo hiểm gốc và phí nhân tài bảo hiểm) của nghiệp vụ đó trong tổng phí bảo hiểm.

- Rule for allocation to each product line: It will be distributed by class based on the proportion of premium volume of each product class to total written premium volume (direct and inward premium).

c) Đối với các khoản chi quản lý liên quan đến cả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động tài chính và hoạt động khác: Không phát sinh.

Regarding administration expenses related to both insurance business activities and financial activities and other activities: No incur.

Chiến lược phát triển trong yêu cầu của Công Ty là chi trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Theo đó, liên quan đến hoạt động tài chính, danh mục đầu tư khả đem gián (hạn chế các khoản đầu tư đến là tiền gửi có kỳ hạn tài các ngân hàng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nội bộ của tập đoàn) nên khoản chi phí phát sinh cho hoạt động này không đáng kể. Do vậy, công ty không phân bổ chi phí quản lý chung cho hoạt động này.

Main development strategy of our Company is focused on non-life insurance business activities. Accordingly, with respect of financial activities the investment portfolio is simplified (almost being time deposits at banks under laws and internal guidelines of our Group). Therefore, expenses for such activity will be immaterial. Accordingly, our Company does not allocate general administrative expenses to such activity.

3. **Hệ thống kế toán:** theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Accounting system for distribution: Company applies Circular No. 232/2012/TT-BTC dated 28/12/2012 providing accounting guidelines applicable to non-life insurer and Circular No.200/2014/TT-BTC dated 22/12/2014

IV. BÁO CÁO DÀNH GIÁ TÌNH HÌNH CHI BỜ TIÊU CHUẨN BẢO HIỂM (EVALUATION TO CLAIM PARAMENT)

EVT : Tiêu VND

STT/ No	Nghiệp vụ bảo hiểm/ business line	2021		2020	
		Phí bảo hiểm gốc/direct premium	Bồi thường bảo hiểm gốc / Direct claim paid	Phí bảo hiểm gốc/direct premium	Bồi thường bảo hiểm gốc / Direct claim paid
A.	Bảo hiểm sức khỏe/health care insurance - general	17.875	6.655	19.009	8.420
1	BH tai nạn con người/ personal accident	6.886	568	8.391	547
			37%		44%
			8%		7%



2) Bảo hiểm y tế/ medical insurance									
3) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe/ health care insurance									
3) Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe/ health care insurance	10,989	6,087	55%	10,618	7,873	74%			
B. Bảo hiểm Phi nhân thọ/ non life insurance	1,087,348	29,486	3%	987,106	169,216	17%			
1) BH tài sản và BH thiệt hại/ property & casualty insurance	313,658	1,010	0%	309,014	6,755	2%			
2) Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển/ insurance of good transported	239,021	(13,588)	-6%	215,765	70,125	33%			
3) BH hàng không/ aviation insurance	-	-	-	-	-	-			
4) BH xe cơ giới/ motor vehicle insurance	5,083	981	19%	5,461	811	15%			
5) BH cháy nổ/ fire and explosion insurance	470,924	39,998	8%	443,891	90,565	20%			
6) BH thân tàu và TNDS chỉ tàu/ hull and P&I insurance	-	-	-	-	-	-			
7) BH trách nhiệm/ public liability insurance	58,662	1,085	2%	12,975	959	7%			
TỔNG CỘNG/ Total	1,105,223	36,141	3%	1,006,115	177,635	18%			

Theo số liệu Chi bồi thường tại bảng 4-PNT (following data from 4PNT)

Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc năm 2021 là 36,14 tỷ VND giảm 141,49 tỷ so với năm 2020. Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc (bồi thường/phi bảo hiểm) đạt 3% giảm 15% so với năm 2020. Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc năm 2021 là 36,14 tỷ VND giảm 141,49 tỷ so với năm 2020. Direct loss ratio 3%, decrease 15% compared with 2020

V. BẢO CÁO VIỆC TÍNH TOÁN KHẢ NĂNG THANH TOÁN (SOLVENCY MARGIN REPORT)

1. Báo cáo về việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định pháp luật : Công ty thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định, báo cáo chi tiết ở phần II

- Báo cáo về việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định pháp luật : Công ty thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định, báo cáo chi tiết ở phần II
- Báo cáo về việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định pháp luật : Công ty thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định, báo cáo chi tiết ở phần II
- Bien khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C): 1,149,14 tỷ
- Bien khả năng thanh toán cuối kỳ (D): 1,213,90 tỷ
- Số sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D): 1,213,90 tỷ Tỷ lệ : 859%
- Bien khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E): 1,43,85 tỷ
- Bien khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F): 1,070,05 tỷ Tỷ lệ : 844%
- Số sánh E/F: 1,43,85 tỷ
- Nhận xét của Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biến khả năng thanh toán của doanh nghiệp:
 - Bien khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng mạnh từ 859% so với biến khả năng thanh toán tối thiểu tăng 101% so với năm 2019
 - Bien khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng chủ yếu do nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên từ lợi nhuận giữ lại
 - Theo thông tư 50/2017/TT-BTC năm 2017 phần tài sản tài bảo hiểm áp dụng mức loại trừ 0%, Phần tài sản tài bảo hiểm năm 2020 áp dụng mức loại trừ 15% khi nằm trong mục tài sản khác

1. SVI fulfilled the obligation of calculating technical reserve abided by law, Detail in Part II

2. Report about Calculating Solvency Margin

- SVI Solvency margin last period (C): 1,149,14 Bill
- Minimum Solvency margin last period (D): 1,213,90 Bill
- Compare C và D (Amount & Rate C/D): 1,213,90 Bill Ratio : 859%
- SVI Solvency Margin this period (E): 1,43,85 Bill
- Minimum Solvency Margin this period (F): 1,070,05 Bill Ratio : 844%
- Compare E/F: Difference amount : 1,070,05 Bill Ratio : 844%

Comment of actuary on the solvency of the enterprise and the change in the solvency margin of the enterprise:

- + The solvency margin is Strong, Solvency ratio : 859% compared to the minimum solvency margin, increasing 101% compared to 2019.
- + The solvency margin increased mainly due to the increase of retained earnings

Năm 2021, không có bất kỳ vấn đề bất thường có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm.

In 2021, there is no irregular matter possibly affecting negatively to the financial situation of our company.

VII. BẢO CÁO VIỆC THU/C HIỆN DÀNH GIÁ CHƯNG TRÌNH TÀI BẢO HIỂM VÀ CÁC HỢP ĐỒNG TÀI BẢO HIỂM (EVALUATION THE REINSURANCE SCHEME & RE-INSURANCE CONTRACT)

Báo cáo chi tiết danh giá chương trình tài bảo hiểm và các hợp đồng tài bảo hiểm phù hợp với năng lực tài chính, quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh và các quy định pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ giữ lại trên một đơn vị rủi ro của công ty tuân thủ quy định hiện hành pháp luật 10%. Vốn chủ sở hữu theo quy định tại Nghị Định 73/2017 Maximum retention TSI per risk <=10% Owner equity abided by Decree 73/2017

Công ty thực hiện chương trình tài bảo hiểm phù hợp với năng lực tài chính và quy mô của công ty. Các hợp đồng tài bảo hiểm của công ty bao gồm : RI program is appropriate with SVI scale & financial capacity. RI program included :

- + Hợp đồng tái bảo hiểm cố định Treaty (tỷ lệ và phi tỷ lệ) - Proportional & non-proportional treaty
- + Hợp đồng tái bảo hiểm tùy chọn Facultative theo tỷ lệ - Proportional & non-proportional treaty
- + Hợp đồng vượt mức bồi thường trên cơ sở tăng rủi ro (XOL, per risk) & Vượt mức bồi thường trên cơ sở sự cố & thảm họa (XOL-whole event) - Whole Account / Risk and Cat XOL

Các nhà tài bảo hiểm đều có mức xếp hạng năng lực tài chính AMBEST từ mức B+, có đủ năng lực tài chính theo quy định của pháp luật All Reinsurers have enough financial strength with credit rating from B++ from AMBEST

VIII. BẢO CÁO VIỆC THU/C HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM H. KHOẢN 1 ĐIỀU 16 THÔNG TƯ NÀY (APPOINTED ACTUARY REPORT FOLLOW POINT H, CLAUSE 1 ARTICLE 16 OF CIRCULAR 59)

Các nhiệm vụ khác để đảm bảo an toàn tài chính cho doanh nghiệp:

Other duties to ensure the insurer's financial safety:

Từ năm 2015 đến nay, Công ty đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro, và áp dụng hệ thống quản trị rủi ro ORSA (the own risk and solvency assessment)

Được giới thiệu cùng với Luật đảm bảo khả năng thanh toán Solvency II, ORSA là công cụ để quản trị rủi ro và quản lý doanh nghiệp của Solvency II. ORSA là hệ thống chỉ tiêu giám sát doanh nghiệp bảo hiểm được xây dựng và phát triển bởi công ty mẹ SFMI cho các công ty con cùng tập đoàn theo quy định của Solvency II. Ngoài ra công ty cũng thực hiện danh giá biến khả năng thanh toán theo hệ số rủi ro (Risk Based Capital) đây là 1 trong những báo cáo bắt buộc của công ty cho bộ tài chính Hàn Quốc. Theo phương pháp RBC, biến khả năng thanh toán của SVI đạt tỷ lệ 532%, chỉ số này là vững mạnh, cao hơn nhiều so với quy định của bộ tài chính Hàn Quốc 150%.

From 2015, SVI has applied RM dept & applied ORSA

Introduce with Solvency II, ORSA is the decision & risk control tool of Solvency II
ORSA included a list of criteria for monitoring risk which developed by SFMI & applied for all its subsidiaries

In addition, the company also conducted an assessment of the solvency margin according to the Risk Based Capital method, which is one of the company's mandatory reports to the Korean Ministry of Finance. According to the RBC method, the solvency margin of SVI reaches the rate of 532%, this index is strong, much higher than the regulations of the Korean finance ministry

NGƯỜI LẬP BIỂU & CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN DỰ PHÒNG YA BIẾN KHẢ NĂNG THANH TOÁN /

HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2022 (30 Mar, 2022)
TRÁCH NHIỆM ĐƠN HẠN
BẢO HIỂM
SAMSUNG VINA
ÔNG. TRIỆU MINH CHÂU LUÂN
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ RỦI RO / HEAD OF ACTUARY DEPT.

